

Năm thứ 4888 Tuổi Việt

Thái Việt

Tiểu Luận
VĂN MIẾU VIỆT NAM

2009

VĂN MIẾU VIỆT NAM

*

Thay Lời Tựa.

I-1/ Tổng Quát Những Đặc Thái Lịch Sử Bách Việt.

A/ Lược Sử Bách Việt.

B/ Vấn Nạn về Văn Hóa Trung Nguyên.

I-2/ Tiểu Sử Khổng Tử (441-474 trc. C.N.)

I-3/ Những tư-tưởng của Khổng Tử qua Tứ Thư.

Qua những dẫn chứng trong Tứ Thư trên, định giá địa-vĩ “Vạn Thế Sư Biểu” của Khổng Tử và Hán Nho.

I-4/ Hán Nho khác với Việt Nho.

I-5/ Những tiên hiền Việt đáng tôn thờ:

A- Các tiên hiền trong huyền thoại: Thánh Tản Viên, thánh Gióng, thánh Chử Đồng Tử, v..v...

B- Các tiên hiền trong lịch sử Việt

Kết: Lập Văn Miếu Việt Nam là để duy trì, phát huy văn hóa Việt chứ không thể dễ dàng tôn thờ ngoại nhân mà vô tình chứng tỏ tinh thần : “*vọng ngoại*”.

*

Thay Lời Tựa

Khi bàn về văn hóa, Lão Tử đã có nhận xét: “*Sai lầm lớn nhất trong ba sai lầm làm nguy hại quốc gia là sai lầm về văn hóa.*” Sai lầm về quân sự sẽ gây bại trận – sai lầm về chính-trị thì có thể mất chủ quyền, nhưng sai lầm về văn hóa thì di hại nhiều thế-hệ.

Văn hóa triển-khai từ học thuật, giống như trứng nở thành chim, do nhân và điều-kiện ấp-ủ. Trứng không nhân thì trứng sẽ ung; trứng có nhân, nhưng thiếu điều-kiện ấp-ủ, dù có nở ra chim, chim cũng yếu vong! Trứng tốt, điều-kiện ấp-ủ tốt, chim nở ra tất mạnh mẽ.

Văn hóa là thành quả của học thuật, như chim nở ra là nhờ ở thành quả của trứng và điều-kiện ấp-ủ. Tuy nhiên, điều-kiện căn bản là chim giống nào phải từ trứng của chim giống ấy, nếu không chẳng khác gì cảnh “*chiền-chiên nuôi tu-hú*”, hay “*mẹ gà con vịt*”, hoặc :

*“Mồ cha không khóc, khóc mã mối.
Mồ mẹ không khóc, khóc bối bông bong.”*

(Ca Dao)

Hiện tượng “*văn hóa tầm gửi*” không những không làm thăng-hoa, mà còn làm lu-mờ văn hóa gốc của một dân tộc, vì thiếu chất liệu và gặp nhiều tắc nghẽn trong cảnh “*mẹ gà con vịt*”.

Qua lịch sử Việt, trí thông minh lòng dũng cảm của người Việt không thua sút một dân tộc nào trên thế-giới, nhưng đem so-sánh với dân Nhật ngày nay, Nhật Bản thăng tiến, còn dân Việt lại tụt hậu! Phải chăng nhiều thế-kỷ qua, chúng ta đã lạc-lỡng trong vấn-đề học thuật?

Ai cũng biết, “*Muốn phục hưng dân tộc phải quan-tâm đến văn hóa dân tộc*”. Ngày nay, trên quê hương Việt có phong-trào “*học chữ Hán*”, nghiên cứu Nho học, chấn-hưng “*Khổng học*” được cổ-động một cách rầm-rộ, và được nhiều sự yểm-trợ của nhiều nguồn. Nhiều “*Văn Miếu Khổng Tử*” đã được dựng lên một các tráng-lệ. Từ ngoài cổng miếu đi vào, tượng Khổng Tử sừng-sững đập vào mắt mọi người như văn miếu Khổng Tử ở Biên Hòa! .

Điều chấn hưng “*cổ học*” là điều đáng khích-lệ và cần được toàn dân hưởng ứng. Nhưng như chúng ta đã rõ “*Nước Việt trải gần 5000 năm văn hiến, trên thực tế lịch sử Việt bị hơn ngàn năm Bắc thuộc, 100 năm Pháp đô hộ, nhiều năm Trịnh – Nguyễn phân tranh,... Văn hóa Việt đã bị phủ vùi bởi nhiều lớp rêu phong. Khu rừng già văn hóa Việt đã bị chim muông gieo rắc nhiều cỏ hoang, hoa dại! Ngày nay, chúng ta cần can đảm phạt đi những cỏ dại, cây khô, cần nhìn rõ đâu là “*bông bong*”, đâu là “*mã mối*”, canh gác cho thật kỹ để tránh nạn “*tu hú đẻ nhờ*”. Có như vậy, chúng ta mới mong nền “**Văn Hóa Dân Tộc**” phấn chấn và hưng thịnh.*

Với thành ý này, và cùng chung ước mong chấn hưng “*Văn Hóa Dân Tộc*”, nhất là những tinh hoa của nền “*Văn hóa Cổ truyền*” Á Đông, cũng như của nhân loại để càng ngày càng rực sáng nền **Văn Minh Việt Trông Lúa Nước** có tự cổ xưa.

Chúng tôi kính mong nhân được những bổ túc và chỉ dẫn cho những thiếu sót hoặc sai lầm trong “*tiểu luận*” này..

Xin thành kính đa tạ.

Đầu Xuân Kỷ Sửu, 2009
Soạn giả.

I-1/ Tổng Quát Những Đặc Thái Lịch Sử Bách Việt:

A- Lược Sử:

Trong cuốn “*Trăm Việt Trong Vùng Định Mệnh*”, xuất-bản tại Hoa Kỳ 1997, tác giả Phạm Việt Châu đã viết:

“Theo Từ Hải, danh xưng Bách Việt là tiếng để chỉ “chỗ hỗn-tạp gồm bảy tám ngàn dặm của trăm giống Việt từ Giao Chỉ đến Cối Khê, mỗi xứ đều có dòng họ riêng”.

“Theo Ngô Thời Sĩ: “Xét theo thiên Vĩ Công, nước Việt ở về phía nam đất Dương Châu. Theo sách Thiên-quan từ sao Đẩu mười một độ qua sao Khiên-ngưu đến sao Chức-nữ bảy độ là tinh kỳ. Kể về sao thì ở về ngôi sừu, cùng một phận với nước Ngô. Cối Nam là Việt môn, có rất nhiều nước như Âu Việt, Mân Việt, Lạc Việt, cho nên gọi là Bách Việt. Bởi vì miền này ở về phía nam Dương Châu nên gọi là Nam Việt. Vùng đất từ núi Ngũ Lĩnh xuống phía nam thuộc về Nam Việt.

“Ông Đào Duy Anh kể rõ thêm một số địa điểm “U Việt ở Chiết Giang, Mân Việt ở Phước Kiến, Đông Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở An Nam.

Gần đây, Lãng Thuần Thành (Ling Shun Sheng), giáo sư đại học Đài Loan còn ghi thêm một vùng nữa cho dân Bách Việt, đó là tỉnh Hồ Nam, nơi trước kia vào thế kỷ 3 trước Công-nguyên, Tam Lư Đại Phu nước Sở là Khuất Nguyên đã bị đày tới. Trong khi bị đày, Khuất Nguyên đã phóng tác ra Cửu Ca (trong bộ Sở từ), và theo họ Lãng, nếu xét kỹ Cửu Ca, người ta sẽ nhận ra những hình ảnh mô tả các cuộc tế lễ tại địa phương này giống hệt hình ảnh đã được vẽ trên trống đồng Đông Sơn của dân Lạc Việt. Lãng Thuần Thành cũng chủ trương rằng “trước kia trung tâm đồng bằng Dương Tử là nơi cư ngụ của giống người Indonesian, mà sử sách Trung Hoa gọi là Bách Việt hay Lạc Việt”.

Trong sử sách Tàu từ đời Hạ Vũ trở về trước đã thành một nghi vấn về văn minh quá khứ của dân Việt. “Số tự Nam Viêm hữu diện tứ chi quốc”, Viêm đây là Viêm đế, hoặc như “Việt Thường hiển chim trĩ, vua Hùng hiển vua Nghiêu con thần quy, rồi do đó người Tàu chế ra quy lịch. Người Lào, Xiêm, Miến Điện nhận giống Thái (Tày, Nùng, Dao) là do gốc ở Thái Sơn tràn xuống. Sách Chúc Phưong Thi cũng công nhận từ Dương Tử Giang xuống Nam, các dân tộc không phải là Hán, các dân ấy là Cửu Mân (9 giống dân Việt), Bát Lạc (8 giống Lạc), Lạc Việt, Tam Ân (3 giống Ân), và Bách Việt (nhiều giống Việt không đủ tên gọi).

Tóm lại, Bách Việt trong sách sử Trung Hoa dùng để chỉ sắc dân cư ngụ tại miền Nam sông Dương Tử mà người Hoa Hán phải chiến đấu khi họ bành trướng từ Hoa Bắc xuống Hoa Nam. Lãnh thổ của các bộ tộc Bách Việt theo huyền sử là nước Xích Quỷ bắc giáp Hồ Nam, nam giáp Chiêm Thành, tây giáp Tứ Xuyên, đông giáp biển Đông. Vào thời Xuân Thu Chiến Quốc khoảng thế kỷ III trước T.L. sử sách ghi nhận các nước Hồ Việt (ở Hồ Nam), U Việt ở Triết Giang, Mân Việt ở Phước Kiến, Đông Việt ở Quảng Tây, Điền Việt ở Vân Nam, Lạc Việt (Bắc Việt Nam), Chiêm Việt (đảo Hải Nam), v.v.... Các nước này nằm kề tiếp nhau từ nam sông Dương Tử, qua lưu vực sông Hồng, xuống tận bình nguyên sông Mã. Nói chung, các xứ Việt nằm kế tiếp từ hữu ngạn Dương Tử giang qua lưu vực Việt Giang, Hồng Hà tới tận bình nguyên sông Mã. Khu vực này được ghi nhận vào cuối đời Chiến quốc ở Trung Hoa (thế kỷ 3 trước Công nguyên).

“Vào thời này, Thục Phán, thủ lãnh Âu Việt đã thôn được cả Lạc Việt, và hợp tên hai nhóm Việt này thành Âu Lạc. Sau khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Hoa, Tần bèn sai Đồ Thư mang quân đi chinh phục Bách Việt (214 trước Công nguyên). Người Bách Việt bị bại trận, bèn thiên di đi nơi khác, hoặc lui ẩn trong miền rừng núi. Chỉ có Âu Lạc ở miền cực nam nên tránh được loạn binh đao. Nam Việt tức Việt Nam Hải bị trực tiếp cai trị và cải là quận Nam Hải. Sau quan úy quận Nam Hải là Triệu Đà thôn tính được Âu Lạc và nhập chung cả ba xứ Việt cũ thành đế quốc Nam Việt. Lúc đế quốc Nam Việt thành hình thì phần lớn các xứ Việt nhỏ miền Bắc đã suy sụp, tuy nhiên chắc-chắn còn lại hai nước Mân Việt và Đông Việt. Nhưng chẳng bao lâu sau, Mân Việt, Nam Việt và Đông Việt đều bị thôn-tính.

Như vậy sang đầu thế kỷ thứ nhất trước Công nguyên, không còn quốc gia Việt nào tồn-tại, nhưng các tổ hợp Việt nhỏ vẫn sống rải-rác ở Hoa Nam và vùng Đông Nam Á. Nhiều tổ hợp vẫn tiếp tục đấu tranh và không bị Hán thôn-tính.

Tàu gọi Việt Văn Lang là Man. Đồng bào Nùng, một chi dòng dõi Thần Nông, cùng gốc nguồn với ta, gọi Tàu là Hoa Di. Người Nùng định cư ở đâu, bao giờ cũng dựng quốc miếu, hoặc gọi là “Phú Quốc miếu”, hoặc gọi là “Chúc Quốc Miếu”. Trong miếu, hoặc thờ Phật Bà Quán Thế Âm vị Phật bà đã có công đức chỉ đường cho người Nùng đánh đuổi quân Tàu xâm lăng lãnh thổ ta. Hoặc thờ câu “Y trấn Hoa Di” nghĩa là “Ở đây để ngăn chặn rợ man di Trung Hoa”.

Từ khi Hoàng Đế (Vua thủy tổ của nòi Hoa) chiến Suy Vưu, chiếm lấy vùng Hoàng Hà và Dương Tử Giang. Tiếp sau đó dân Bách Việt phải linh lạc (Nam thiên) khắp nơi, kẻ ở lại thì bị đồng hóa, ngoại trừ chi Lạc Việt (ViệtNam) kiên cường đấu tranh để bảo-vệ bờ cõi và không chịu ngoại hóa.

Sau khi nhà Tần thống-nhất được miền bắc Trung Quốc và một số lãnh-thổ miền Nam sông Dương Tử, các nước Việt nhỏ dần-dần bị suy sụp, chỉ có Mân Việt, Đông Việt và Nam Việt (nhà Triệu, bao gồm Âu Việt + Lạc Việt) là còn tự trị. Sang đến thế kỷ thứ I trước T.L., các nước này cũng bị đế quốc Hán thôn tính nốt. Trải qua thăng trầm của lịch sử, phần lớn lãnh thổ Bách Việt đã bị sát nhập vào bản đồ Trung Quốc và rất nhiều văn minh Bách Việt dần dần hòa nhập vào Trung Quốc tạo những nét văn minh đồ sộ cho Trung Hoa ngày nay. . .

Trường hợp Việt Nam, ai nấy đều biết, sau trận Bạch Đằng vào năm 938, Việt Nam đã không còn chấp nhận sự đô-hộ. Việc triều cống sau này chẳng qua chỉ là một hình thức ngoại giao để tránh nạn binh đao....”

*

“Kể từ thế kỷ I sau Công nguyên, ngoài những nhóm đã thiên di xuống Đông Nam Á, các phần tử Việt còn lại ở vùng Dương Tử lần-lần bị đồng hóa, còn các bộ tộc ở Đông nam Trung Hoa thì bị người Hán di cư xuống chiếm mất các bình nguyên màu mỡ và đẩy vào những miền đất cằn-cỗi.

“Ở Tây-nam Trung Hoa, tộc Lý tức Thái đã quy tụ thành vương quốc Đại Lý. Còn ở Đông Nam Á, sau Lạc Việt (lúc ấy đã bị Tàu đô hộ), hai vương quốc khác cũng lần-lượt thành hình trong thế kỷ đầu Công nguyên là Phù Nam ở miền Nam lục địa và Lâm Ấp (sau đổi là Chiêm Thành) ở Trung Việt ngày nay. . .

Nước Việt Nam có một vị thế rất đặc biệt :

- Đối với Trung quốc, như một cuống phễu, nếu Trung quốc thông được cuống phễu này thì dễ dàng nối hai đầu cầu Taiwan và Singapore.

- Đối với các cường quốc Âu, Mỹ muốn có tầm ảnh hưởng đối với các quốc gia Thái Bình Dương đều cần đến vị trí chiến lược ở Việt Nam.

Do đó, Việt Nam luôn luôn là “điểm nóng” ở Thái Bình Dương của mọi thế lực “cũ” cũng như “mới”.

*

B/ Vấn nạn về Văn Hóa Trung Nguyên :

Nước Việt dưới thời Pháp thuộc đã có danh xưng “IndoChina”. Tại sao lại Ấn-Hoa ? Phải chăng người Tây Phương khi nhìn về Đông Phương không thấy gì hơn, ngoài hai quốc gia khổng lồ là Ấn Độ và Trung Hoa?

Cũng vì thế, phần đông, ngày nay khi nói đến văn minh hay văn hóa Á Châu, người ta thường cho là nên văn minh, hay văn hóa này do người Hoa là chủ nhân ông, mà quên đi những đóng góp của các sắc dân đã cư trú ở lục địa Trung Quốc trước khi nòi Hoa xâm chiếm. Khi người Hoa (Tàu) đầu tiên xuất hiện tại bình nguyên Trung Quốc thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó, và họ đã có một trình-độ phát-triển văn hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc bành-trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn hóa của họ.

Theo Will Durant thì dân tộc Trung Hoa kết hợp với các dân tộc bị trị mà tạo nên văn minh đầu tiên cổ sử Đông Á. Lương Khải Siêu (1873-1929) là một trong số học giả hiếm hoi của Trung Hoa đã thừa nhận rằng Trung Hoa có nguồn gốc du-mục khởi lên từ miền Tây Bắc rồi tràn xuống xâm chiếm các bộ tộc ở lưu vực Hoàng Hà, tiến về phương Nam, vượt Dương Tử, bành trướng lãnh thổ từ Nam Mông Cổ đến tận Quảng Đông,

Theo Edward H. Schafer: “*Chẳng còn nghi ngờ gì nữa, nghệ thuật trồng lúa nước và thuần hóa súc vật đã được người Tàu thâm hóa từ những chủng tộc mà họ khinh bỉ tại phương Nam xa xôi.*”

Theo Wolfram Eberhard, giáo sư đại học ở California đã từng giảng dạy tại đại học Bắc Kinh đã để ra nhiều năm nghiên cứu về phong tục, tín ngưỡng của các sắc dân tại Nam Trung Quốc đã nhận xét như sau:

“*Ý kiến cho rằng chủng tộc Hán đã sản sinh ra nền văn minh cổ đại hoàn-toàn tự lực do chính những tài năng đặc biệt của họ thì nay đã không thể đứng vững.*”

Hiện nay, người ta đã hiểu rằng xưa kia không có một chủng tộc Hán và ngay cả người Hán cũng không có nữa (*Hán lá tiếng chỉ triều đại, chứ không phải chỉ chủng tộc*). Khi người Tàu nhận mình là người Hán hay người Đường chỉ có nghĩa là nhận lấy sự hãnh diện về một triều đại cường mạnh.

Ngay chữ “China” và “Chinese”, ai cũng hiểu China là nước Tàu và Chinese là thuộc Tàu (*người Tàu hay tiếng Tàu*). Hai chữ China (tiếng Anh) và Chine (tiếng Pháp) do phiên âm từ chữ Tần (Ts’in, Ch’in), thời Tần Thủy Hoàng. (*The name China is a foreign appellation probably derived from a dynasty which reigned over the Empire in the 3rd century B.C. The Chinese long held as an ideal that there should be only one political administration for civilized mankind and regarded their own as that government. They might speak of China as Tien Hsia - “Under Heaven”. The most frequent name employed was Chung Kwo – “The Middle Kingdom”. The Chinese often denominated themselves Han Diên or the “Men of Han”, after a famous dynasty of that name. Tang Diên, or the “Men of Tang”, after another famous dynasty, was frequently on the lips of the Chinese in the South.*)

(*Kenneth Scott La Tourette, “The Chinese Their History and Culture”, The MacMillan Co. N.Y. 1964.*)

Theo học giả Andreas Lommel trong tác phẩm “*Prehistoric*” đã nêu lên tám nền văn hóa căn bản tạo dựng ra nền văn hóa Trung Hoa:

-*Nền văn hóa thứ nhất từ Đông Bắc đến tập trung tại Hà Bắc (Hopei), Sơn Đông (Shantung). Tổ tiên của họ là người Tung Xích chuyên về săn bắn, sau chuyển sang chăn nuôi mà căn bản là nuôi heo.*

-*Nền văn hóa thứ nhì từ phía chính Bắc tới, mà trung tâm là tỉnh Sơn Tây và Nội Mông, Tổ tiên của họ là người Mông Cổ, nghề nghiệp chính là săn bắn.*

-*Nền văn hóa thứ ba từ Tây Bắc tiến lại, tập trung tại các tỉnh Cam Túc, Thiểm Tây. Tổ tiên họ là người Thổ (Turkish). Họ cũng chuyên về nghề săn bắn, trồng lúa tẻ (millet) và biết thuần hóa ngựa.*

-*Nền văn hóa thứ tư từ miền Tây lại, tập trung ở các tỉnh Tứ Xuyên và miền núi của các tỉnh Cam Túc và Thiểm Tây. Tổ tiên của họ là người Tây Tạng (Tibetan). Họ là dân tộc chuyên về nghề chăn nuôi dê cừu.*

Các nền văn hóa thứ năm, sáu, bảy và tám từ phương Nam đưa lên, chuyên về canh nông.

Các nhà bác học người Nga đã khai thác được kết quả trong các cuộc khai quật những di chỉ khảo cổ của Việt Nam từ thập niên 60 đã chứng-minh nguồn gốc văn hóa Trung Hoa cần phải được tìm kiếm từ văn hóa Hòa Bình.

Tương tự, Charles O. Hucker: “*Cuộc Nam chinh của người Hoa không phải tiến vào vùng hoang dã không có dân cư, mà cũng không phải cuộc bành-trướng kiểu Hoa Kỳ đoạt đất đai của đám dân mọi rợ. Khi nền văn minh Trung Quốc có bản sắc rõ-rệt lần đầu tiên xuất-hiện tại bình nguyên Trung Hoa thì vùng đất miền Nam đã có những sắc dân cư ngụ tại đó, và họ đã có một trình-độ phát-triển văn hóa không kém người Hoa. Như vậy cuộc*

bành trướng về phương Nam của người Trung Hoa đã làm phong-phú cuộc sống cho người Hoa nguyên-thủy và văn hóa của họ.”

Qua những điều nhận xét trên, chúng ta mới rõ: Tại sao nội dung của “*tứ thư, ngũ kinh*” của Hán Nho gần gũi với văn minh nông nghiệp nhiều hơn là du-mục, và cũng vì vậy, chính Khổng Tử đã thú nhận là “**thuật nhi bất tác**” = *chỉ thuật lại của người, chứ không phải do mình sáng tác (Thuật Nhi – Luận Ngữ)*.

Sau triều Tần, triều Hán tuy có sưu tầm và gọi là phục hưng Nho học, nhưng thực ra chỉ là những mạo hóa:

- Thí dụ như mỹ từ “*tứ hải giai huynh đệ*” = *bốn bể một nhà*, thực sự chỉ là chiêu-bài để thôn tính các dân tộc phía Nam Hoàng Hà cho đến Lưỡng Quảng.

- Kinh sách của Nho giáo đề cao vai trò “*người*” như “*nhân giả kỳ thiên địa chi đức*” (người là cái đức của trời đất) nhưng thực tế, theo tiến sĩ Trần Văn Đoàn, giáo sư thỉnh giảng tại nhiều đại học Âu Châu và Á Châu:

“*Tuy Nho giáo chấp nhận con người làm chủ, vai “người” như là một nền đạo đức. Song tiếc thay xã hội do Hán Nho thống trị lại đề cao ngôi “vua, chúa” và coi người dân như cỏ rác, công cụ. Trong lịch sử Hán Nho chưa bao giờ ghi lại sự kiện người dân làm chủ. Sự thần thánh hóa vua chúa chứng minh một cách chua-chát cho quan niệm “dân vì quý”. Nhưng câu này chỉ xuất hiện trong đầu óc một số triết gia, hay trên miệng lưỡi của các nhà nho mà thôi.*”

Bàn về “*nhân bản*”, thiết tưởng các triết thuyết đã có, và ngay cả thuyết “*Tam Tài*” của Nho học chưa chắc đã tóm gọn và sáng tỏ như bài thơ “*Vịnh Tam Tài*” của nhà nho cách mạng Việt, Trần Cao Vân:

*Trời, Đất sinh Ta có ý không?
Chưa sinh Trời, Đạ có Ta trong.
Ta cùng Trời, Đất ba ngôi sánh
Trời, Đất cùng Ta một chữ đồng
Đất nứt Ta ra, Trời chuyển động
Ta thay Trời mở Đất mênh-mông.
Trời che, Đất chở, Ta thông-thả
Trời, Đất, Ta đây đủ hóa công.*

Suốt thời kỳ Xuân Thu (1135-770 tr. T.L.) và Chiến Quốc (770-256 tr. T. L.), thiên hạ đại loạn. Theo Will Durant: *xã hội do Chu Công kiến lập, vì lấy văn hóa du mục làm chủ đạo nên bề tôi giết vua, con bỏ cha, vợ lia chồng...cửa nhà tan nát, dân chúng khổ cực, nạn đói xảy ra hàng ngày ở khắp nơi!*

Cụm Từ “*đại đồng*” trong Lễ ký cũng chỉ nên hiểu một cách thực-tế là “*đại đồng trong sự coi sóc của nòi Hoa (Hán)*”. Quốc sách Hán Nho xưa ghi rõ “*Tam niên dưỡng chi, giáo chi tất giai ngô dân*” (3 năm nuôi dạy tất thành dân Hoa)...

*

I-2/ Tiểu Sử Khổng Tử: (551-474 trc C.N.)

Khổng Tử tên thật là Khổng Khâu, tự Trọng Ni, người quận Xương Bình nước Lỗ, nay thuộc miền Sơn Đông phía bắc Trung hoa, thân phụ là Thúc Lương Ngột, mẹ là Nhan Thị;

Khổng Khâu mồ-côi cha khi lên ba tuổi. Thiếu thời thích chơi trò cúng tế.

Khổng Tử nhà nghèo, năm 19 tuổi mới thành gia thất (sau bỏ vợ!), nhận chức ủy lại, coi việc thóc lúa trong kho, sau giữ chức sử chức, lại coi việc nuôi bò để dùng vào việc cúng tế. Năm 29 tuổi đến học ở Lạc ấp là kinh sư nhà Chu, Khổng Tử đã xem xét và khảo cứu tường tận về chế độ nơi miếu đường, cùng những nơi tế giao, tế xã. Tục truyền Khổng Tử cũng đến hỏi Lão Tử về Lễ và hỏi Tráng Hoành về nhạc.

Sau trở về nước Lỗ, học trò theo học càng ngày càng đông. Tuy vậy, vua nước Lỗ vẫn không dùng ông.

Năm 35 tuổi (517 trc. C.N.), vì nước Lỗ loạn lạc, Khổng Tử bỏ sang Tề. Ở đây, bắt đầu học nhạc Thiệu, và bị quan đại phu là Án Anh dèm pha, vua Tề không dùng Khổng Tử.

Cho đến năm 50 tuổi, vua Lỗ mời Khổng Tử giữ chức Trung Đô Tế ví như kinh thành thủ doãn, sau một năm lên chức đại tư khấu (hình bộ thượng thư). Được 4 năm, lại được cử làm nhiếp tướng sự, quyền nhiếp việc chính trị trong nước.

Sau vua Lỗ bĩ kế phản gián của nước Tề, bỏ bê việc triều chính, nên thầy trò Khổng Tử rủ nhau bỏ Lỗ sang Vệ, rồi sang Trần, sang Tống, tiếp lang thang sang nước Trịnh (phía bắc Hồ Nam bây giờ). Sau lại trở về Vệ vào lúc đã 63 tuổi.

Khổng Tử qua đời vào năm 474 trc. C.N., thọ 77 tuổi.

I-3/ **Đánh giá tư tưởng và vai trò “Vạn Thế Sư Biểu” của Khổng Tử:**

* Những ý, lời của Khổng Tử ghi trong Tứ Thư (*Luận Ngữ, Trung Dung, Mạnh Tử, Đại Học*):

- Trong sách *Luận Ngữ*, mục “*Thuật nhi*”, Khổng Tử viết: “*Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ*” = thuật lại mà không sáng tác, tin và yêu cổ xưa, [(1) Điều này chứng tỏ những điều Khổng Tử nói hay viết lại, không hoàn toàn do Khổng Tử sáng tác, mà chỉ thuật lại của một nền văn hóa nào khác (Bách Việt ?)

- Tử Lộ vấn cường. Tử Lộ viết: “*Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư? Úc nhi cường dư? Khoan nhu dĩ giáo, bất báo vô đạo – Nam phương chi cường dã. Quân tử cư chi. Nhĩ kim cách, Tử nhi bất yểm – Bắc phương chi cường dã, nhi cường giả cư chi. ..* (2) .[Ông Tử Lộ hỏi về sức mạnh. Khổng Tử đáp: “*Đem lòng rộng rãi, hiền hòa dạy người, dầu kẻ vô đạo cũng không báo thù, đó là sức mạnh của người phương Nam. Người quân tử cư xử như vậy. Xông pha gươm giáo, ôm yên mặc giáp, đến chết không chán, đó là sức mạnh của người phương Bắc. Kẻ cường bạo cư xử như vậy.*] (Trung Dung - bài 10, Tử Lộ vấn cường)

- Cũng trong *Luận Ngữ*, khi Tử Lộ đi theo Khổng Tử từ nước Sở sang nước Thái, lạc lại phía sau. Tử Lộ gặp một lão trượng, quảy giỏ trên vai nơi đầu gậy. *Tử Lộ hỏi: Cù có thấy thầy tôi không? Lão trượng đáp: “Đời này, người ta phải làm ruộng mà ăn, còn người thì tay chân chẳng siêng cần, người lại chẳng biết phân biệt năm giống lúa. Vậy ta biết ai là thầy của người? *([Tử Lộ từng nhi hậu, ngô trượng nhân, dĩ trượng hà điều. Tử Lộ vấn viết: Tử kiến Phu tử hồ?” Trượng nhân viết: “tứ thể bất cần, ngũ cốc bất phân, thực vi phu tử.” (3).*

Như vậy, thầy trò Khổng Tử đạ bị lão trượng chê cái học của thầy trò họ Khổng chỉ là lý thuyết suông, không thực tế. Đúng như câu ca dao Việt :

*Ra đường võng lọng nghênh ngang,
Về nhà hỏi vợ cám rang đầu mày ?*

Riêng về con người của Khổng Tử, chính ông cũng tự cho là chưa xứng đáng. Trong *Trung Dung*– Lý nhân có ghi: “*Quân tử chi đạo tứ: Kỳ (Khổng Tử) vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã, sở cầu hồ thần dĩ sự quân vị năng dã, sở cầu hồ dĩ dĩ sự huynh vị năng dã, sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, vị năng dã. . .*” (*Đạo quân tử có bốn (4) đức cốt yếu, nhưng Kỳ (Khổng Tử) chưa làm trọn được một. Phận làm con phải hiếu thuận với cha mẹ, ta chưa làm được; phận làm tôi phải trung với vua, ta chưa làm được; phận làm em phải kính nhường anh, ta chưa làm được; Cho đến phận bằng hữu, trước phải ra tay giúp người, ta cũng chưa làm trọn. . .*)

- Chính Khổng Tử cũng chưa dám nhận là bậc thánh, thì tại sao ta lại tôn ông làm thánh? – *Tử viết: “Nhược thánh dữ nhân, tắc ngô khởi cảm.” (Như làm bậc thánh và bậc nhân thì ta há dám (Luận Ngữ – Thuật Nhi)*

-Có lẽ chính vì thế, Hàn Phi Tử đã chê bai Nho, Mặc:

“*Bác tập biện trí như Khổng, Mặc. Khổng, Mặc bất canh nhục, tắc quốc hà đắc yên? Tu hiếu, quả dục như Tăng, Sử – Tăng, Sử bất chiến công, tắc quốc hà lợi yên?* (4) [= Học nhiều và có tài trí biện như Khổng Tử và Mặc Tử mà không cày cấy thì nước làm sao có thể có được? Có kẻ tu sửa đạo hiếu và ít dục như Tăng và Sử nhưng không tòng quân đi đánh nhau thì có lợi gì cho nước ?]

- Khổng Tử đã để ra nhiều thì giờ, và công phu để nghiên ngẫm và giải thích về Kinh Dịch, nhưng căn cứ câu: “*Gia ngã số niên, tốt dĩ học dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ.*” (5) = [Cho ta sống thêm ít năm nữa để trót công nghiên cứu Kinh Dịch, có thể không phạm điều lỗi lớn]. Điều này chứng tỏ họ Khổng chưa thấu hết Kinh Dịch, vậy ta có thể nghi ngờ phần “*Thập Dục*” là do Khổng Tử soạn ?

- Dịch lý là nói đến sự vận hành, biến hóa không ngừng (*Sinh sinh chi vị Dịch*). Nhưng khi chuyển vào nhân sinh cần được tham dự sức con người (*Tán thiên địa chi hóa dục*), không thể áp dụng các luật tắc trong thiên nhiên áp dụng một cách trực tiếp vào nhân sinh. (Thí dụ cũng trời mưa, nhưng người đang cấy rộng thì tốt, nhưng phơi lúa lại là không tốt.). Trên tinh thần này, ta cần xét lại quan niệm “tính” và “mệnh” của Hán Nho:

Nho học cho rằng “*Thiên mệnh chi vị tính*” – Tính trời cho, khác với tính trường thành do giáo dục uốn nắn hay tôi luyện bởi kinh nghiệm. Chính tính này, ta gọi là “*thành tạo tính*”. Vì thế cụ Nguyễn Du mới nói:

“*Có Trời, mà cũng có ta.*” Hay “*Xưa nay, nhân định thắng thiên cũng nhiều.*”

- Theo Sử ký Tư Mã Thiên, (*Nhượng Tống dịch, 1944*): “Năm Tân Mão tức năm 1110 trc. C.N. nước Việt Thường đã cử sứ giả, dùng người thông ngôn ba lần mà tới, dâng chim trĩ trắng. Chu công Đán đã thay vua Thành vương tiếp sứ giả, xác nhận sự độc lập hoàn toàn của nước Việt qua câu: “*Ôn đức không đến, quân tử không hưởng lễ của họ. Chính lệnh không tới, quân tử không coi họ là người bầy tôi.*” Đoạn này chứng tỏ điều mà các học giả Tàu như Chu Hy **cho nước Việt là chư hầu của nhà Chu là điều cường từ áp lý !**

(Chu Công Đán là thần tượng mà Khổng Tử tôn phục. Cũng nên biết Chu Công Đán được phong làm vua chư hầu ở đất Lỗ, và Lỗ được coi là nước có nề nếp. Khổng Tử là người nước Lỗ.)

- Ngoài ra, cũng trong Sử Ký Tư Mã Thiên, = *Cổ Công (Đản Phụ) có con trưởng là Thái Bá, thứ là Ngụ Trọng. Thái Khương sinh con nhỏ tên là Quý Lịch. Quý Lịch lấy Thái Nhậm, đó là người đàn bà hiền thực, sinh ra Xương, Xương có thánh đức. Cổ Công nói: “Đời ta có thể hưng thịnh là nhờ thằng bé này. Con trưởng là Thái Bá cùng con thứ là Ngụ Trọng biết Cổ Công muốn lập Quý Lịch tiếp ngôi, hai người bèn đến sống ẩn với dân Man, cắt tóc ngắn, xâm mình, nhằm mục đích nhường ngôi cho Quý Lịch.* = (*Cổ Công hữu trưởng tử viết Thái Bá, thứ viết Ngụ Trọng. Thái Khương sinh thiếu tử Quy Lịch. Quy Lịch thứ Thái Nhậm. Giai hiền phụ nhân. Sinh Xương. Hữu thánh đoan. Cổ Công viết: “Ngã thế đương hữu hưng giả, kỳ tại Xương hồ ?” Trưởng tử Thái Bá, Ngụ Trọng tri Cổ Công dục lập Quý Lịch dĩ truyền Xương. Nãi nhị nhân vong như Kinh(?) Man. Văn thân, đoan phát, dĩ nhượng Quý Lịch.*). Chứng tỏ đất Nam có nền văn hóa tốt đẹp. (Trích theo “ViệtNam Suối Nguồn Văn Minh Đông Phương của Du Miên Lê Thanh Hoa)

D/ Những Vấn Nạn Trong Quá Trình Lịch Sử Việt:

* Ngay từ thời Đông Hán xa xưa, vào năm 54 T.L., Tô Định khi làm thái thú quận Giao Chỉ đã thi hành một chính sách thật tàn bạo, bắt dân Việt xuống biển mò ngọc trai, lên rừng tìm sừng tê-giác, chịu sưu cao thuế nặng, bắt dân Việt theo phong-tục, văn hóa của đế quốc,... Tướng Mã Viện sau khi đã thắng hai bà Trưng, phúc-trình tâu thượng cấp đòi phế bỏ luật lệ Việt để thay thế luật lệ đế quốc, nhất là đã để lại một cột đồng với câu: “*Đồng trụ triết Giao Chỉ diệt*” (Cột đồng gãy, dân Giao Chỉ diệt vong).

Chính vì những mù quáng coi mình là nhất, mà học giả Mark Weber trong cuốn “*Nho Giáo và Đạo Giáo*” đã quyết đoán: “*Người Trung Quốc xưa là một dân tộc không thành thật nhất thế giới.*”. Nhà văn hào Lương Khải Siêu cũng nhận định tương-tự trong “*Ấm Băng Thế Văn Tập*” : “*Dân tộc tính Trung Quốc xưa là vũ đoán, giả dối*”, triết-gia Hồ Thích thì cho rằng người Trung Quốc xưa “*không biết xấu hổ*”!

Ngày nay nếu muốn phục hưng Khổng Học, ta không thể nào không xét lại giá trị của “Hán Nho” cũng như vai trò “*Vạn Thế Sư Biểu*” của Khổng Tử.

Xưa kia, Khổng Tử tôn Chu, suốt đời ôm mộng nối được sự nghiệp của Chu Công, cố uốn-nắn các ưu điểm của nền văn hóa phương Nam để thích-hợp truyền thống du-mục của nhà Chu. Khổng Tử đã ca-ngợi Quản Trọng

có công bình-định số chư hầu (*Bình thiên hạ*) để vua Tề đóng vai thiên tử với lời lẽ *kỳ thị dân Nam Man (Việt)*: “*Không có Quân Trọng thì chúng ta (dân Hoa) phải gióc tóc, cài nút áo bên trái (tả nhậm) theo Nam man*” (*Luận Ngữ - Hiến Văn = Quân Trọng tướng Hoàn Công, bá chư hầu. Nhất khuông thiên hạ; dân đảo vu kim thô kỳ tử. Vi Quân trọng, ngô kỳ bị phát, tả nhậm hỹ...*)

Bởi vậy, phục hồi Khổng học, chúng ta không thể nào không quan ngại đến mưu đồ:

* Dùng Khổng Nho để thống trị mặt văn hóa các nước ở Thái Bình Dương (*bình thiên hạ*) ?.

* Đề cao tinh thần “*tôn quân, trung quân*” chính là để huấn luyện cán bộ đảng tuyệt đối trung thành với cơ quan trung ương tập quyền (*Quân xử thần tử, thần bất tử bất trung*), . . .

*

1-5/ Hán Nho khác với Việt Nho:

Khi Nho học chiếm địa vị độc tôn, nhà thơ Nguyễn Công Trứ đã mô tả thành phần xã hội:

*Tước hữu ngũ, sĩ cư kỳ liệt
Dân hữu tử, sĩ vi chi tiên
Có giang sơn thì sĩ đã có tên
Từ Chu - Hán vốn sỹ này là quý..*

(*Vịnh Kẻ Sĩ*)

Trái lại, trong ca-dao Việt lại có câu:

*Nhất sỹ, nhì nông
Hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sỹ.*

Câu ca-dao trên chứng tỏ xã hội Việt không phân chia con người theo giai cấp, nếu có là do sự du nhập từ Trung Hoa, Ấn Độ và Tây phương. (*Theo quan niệm của Hán Nho mong đào tạo được thành phần “quân tử” (người giúp vua cai trị), nên có câu “Đức của người quân tử như gió, đức của kẻ tiểu nhân (người dân bị trị) như cỏ - Gió thổi thì cỏ lướt. Cũng vì thế mới sinh ra thuyết Quân quân, thân thân, phụ phụ, tử tử, phu phu phụ phụ.*)

Còn ở Ấn Độ, vào thế kỷ V tr. C.N. xã hội chia làm 5 giai cấp: 1- Tu sỹ BàLamôn, 2- Vương tướng 3- Thực nghiệp. 4- Lao động. 5- Thành phần dân bản xứ cùng khổ bị truất khỏi mọi đẳng cấp trong xã hội.

Ở Tây phương thì quá rõ 2 thành phần giàu có (tư bản), chủ nhân ông và nô lệ.

Thực ra, đều là ”con người”, nhìn bên ngoài
*Hơn nhau tấm áo, manh quần
Thả ra lột trần, ai cũng như ai.”*

(*Ca Dao*)

Tuy chỉ có hai câu nhưng đủ nói lên tính cách “*đồng nhất thể*” của con người. Khi sơ sinh (lọt lòng mẹ), thể xác người được cấu tạo hoàn bị hơn các sinh vật khác, nhất là bộ não. Là vật chất, thể xác người bị chi phối bởi các quy luật vật chất khách quan, ảnh hưởng thiên nhiên nên gọi là “*thiên tính*” hay “*tính trời phú*”; và khi lớn dần lên một phần do tự mình hấp thụ, ảnh hưởng xã hội gọi là “*thành tựu tính*”. Như vậy, song song với phần thể xác, phần tinh thần bị chi phối bởi quy luật nhân văn, xã hội.

Thiên tính, thành tạo tính và “*thể sống*” (*nhu cầu của sự sống*) của con người là do những yếu tố bên ngoài tạo nên. Danh xưng, chức phận, mũ áo, phẩm phục,... đều do xã hội gán cho, tuyệt nhiên không có ngay từ khi sinh ra ở mỗi người.

Những quan niệm giai cấp của Bàlamôn giáo; “*quân tử*” với “*tiểu nhân*” của Khổng Nho, và chủ nhân với nô lệ đều là những quan điểm “*phi nhân bản*”, “*phi nhân tính*” !

Qua lịch sử nhân loại, con người lĩnh hội về trí tuệ và kinh nghiệm. Lịch sử cũng đã từng đánh thức người ta tỉnh lại và nhấn-nhủ loài người hãy tiến lên. Với bộ óc sáng tạo - tất cả những thứ ấy gom lại thành một thể sống, *thể Brahma*, hay "*thể thánh linh*" thể "*Bồ Đề Đạt Ma*" khởi điểm cho mọi văn minh, thông qua và trau-giồi bởi tính, tình, chí của mỗi dân tộc mà hình thành trọn vẹn mỗi dân tộc văn minh.

Xưa nay, biết bao nhiêu ngộ nhận đã bám sâu vào tâm trí "khoa bảng" Việt:

Những địa danh như An-nam, Ấn Hoa (Indochina), Đại Ấn, Ấn Độ Viễn Thổ hay Tiểu Trung Hoa,... đều là những danh hiệu lệ thuộc, bất bình đẳng nếu không muốn nói là thiếu hiểu biết về lịch sử cũng như văn hóa nên đã vô tình nhục-mạ các dân tộc ở Đông Nam Á.

Họ không hiểu rằng " 3000 năm trước CN, về kỹ thuật miền Đông Nam Á đã biết đúc đồng bằng khuôn đôi sa thạch. Những ánh sáng văn minh đầu tiên không phải từ Ấn và Hoa chiếu rọi vào Đông Nam mà chính từ miền Đông Nam tỏa lên và tỏa sang Hoa và Ấn..."

Với cái danh hiệu "IndoChina", đúng như sự nhận xét của tiến sĩ Wilhelm G. Solheim II : " Âu Châu khám phá ra nền văn hóa tiến bộ ở Ấn Độ và Trung Hoa. Do đó khi họ nhìn thấy các kiến trúc và nếp sống quý tộc của các nước kể trên và các nước trong vùng Đông Nam Á cho là đã chịu ảnh hưởng của Ấn Độ và Trung Hoa. Ngay cả tên đặt cho vùng này cũng gọi là "IndoChina" đều phản ảnh thái độ đó."

Ngoài ra, nếu đối chiếu lịch sử Trung Quốc với lịch sử Việt Nam, ta thấy:

Trung Quốc đã bị các bộ tộc Tiên Ti, Sa Bà, Kim, Liêu, Mông Cổ, Mãn Thanh xâm chiếm và cai trị, ngược lại Việt Nam:

- Thời Ngô Quyền (939-965) đã diệt quân Nam Hán gây nền tự chủ.
- Thời Bà Trưng (40-43) chỉ trong thời gian ngắn đã dẹp 65 thành trì trong vùng Lĩnh Nam dựng nền độc lập cho nước nhà.
- Đời nhà Lý, Lý Thường Kiệt (năm 1075) đã đem quân phạt Tống.
- Đời nhà Trần (1225-1400) đã ba lần đại thắng quân Mông Cổ (nhà Nguyên).
- Thời hậu Lê (1428-1527), Lê Lợi đã đánh đuổi quân Minh.
- Đại đế Quang Trung năm 1789 đã dẹp 10 vạn quân Thanh, đến nỗi Tôn Sĩ Nghị bỏ cả ấn kiếm chạy về Tàu....

Sách vở Tàu viết thời "Xuân Thu, Chiến Quốc", (728 - 221 Tr. C.N.) đều bị nhà Tần đốt sách, chôn nho sĩ (Tần Thủy Hoàng phân thư khanh Nho). Những sách viết trước thời Xuân Thu Chiến Quốc đều thiết yếu quan trọng về lịch sử hình thành văn minh Trung Quốc, nhưng tiếc thay đều bị hiệu đính, tái hiệu đính làm mất tính chất trung thực!

- Trong bài tựa cuốn "China" của Caroline Blunden và giáo sư Mark Elvin thuộc đại học Oxford đã viết: "*Liệu ngay cả chính người Trung Hoa có được bao nhiêu ý niệm về Trung Quốc xưa kia thực sự ra sao? Đây là một nền văn minh cổ xưa nhất của thế giới còn tồn tại. Xét theo sự liên tục về văn hóa, ấy vậy mà quá khứ của nó đã bị tái hiệu đính liên-miên thay vì thực sự được bảo tồn... Chẳng những vậy, ngày nay đã chẳng còn được bao nhiêu tài liệu nguyên bản. Hầu hết chỉ là những bản sao của những bản sao... Đôi lúc kể cả những họa phẩm.*"

- Trong tác phẩm "*Han Chinese Expansion in South China*", Harold Weins, giáo sư đại học Yale đã viết: "*Giống Việt đã vào Trung quốc vùng Dương Tử giang, được gọi là văn minh Viêm Việt thuộc văn minh Thục Sơn. Nghiên cứu trong số 300 chủng tộc có hai chủng tộc ưu việt là Thái và Việt. Thái ưu việt về chính trị và Việt ưu việt về văn hóa.*" (*The Viem Viet had entered into China by the Yangtze River. They called the Viem Viet civilization as Thuc Son's civilization. Among 300 races that were studied, the most eminent races were Thai and Viet. The Thai excelled in politics while the Viet excelled in culture.*)

*

Tiên Hiền Việt Trong Huyền thoại :

1- Thánh Gióng:

Mùng bảy hội Khâm, mùng tám hội Dâu

Mùng chín dàu dàu trở về hội Gióng.

(Ca Dao)

Hội Gióng là ngày kỷ niệm đức Đổng Thiên vương.

Thời Hùng vương thứ ba, Ân vương lấy cớ thiếu lễ triều cống, giả đi tuần thú để xâm chiếm nước ta.

Được tin, Hùng vương triệu quần thần hỏi kế chống giặc. Quần thần dâng kế “chính tề khí giới, tinh luyện quân sĩ, và tìm trong nước ai là người phá được giặc sẽ phong thưởng tước lộc. Ba năm sau, biên đình cáo cấp giặc Ân tới. Nhà vua truyền sai sứ đi khắp trong nước tìm người dẹp giặc. Sứ giả đến hạt Vũ Ninh, làng Phù Đổng. Trong làng có một gia đình sinh được một con trai ba tuổi không biết nói, nằm ngửa không biết ngồi dậy. Bà mẹ nghe sứ giả đến, nói bỡn với con: “Sinh đứa con này chỉ biết ăn uống, mà không biết đánh giặc để hưởng phần thưởng của triều đình, để đền ơn bú mớm.”

Đứa trẻ nghe mẹ nói, đột nhiên nói lên:

“Mẹ mời sứ giả vào đây, hỏi xem việc gì?”

Bà mẹ hoảng sợ vui mừng, báo cho láng giềng biết con mình đã biết nói. Người trong làng cũng kinh lạ mới đón sứ giả vào nhà. Sứ giả nói: “Này bé nhỏ mới biết nói, gọi ta đến làm gì?”

Đứa trẻ ngồi dậy, bảo với sứ giả rằng: “Mau về tâu vua, đúc cho ta con ngựa sắt cao 18 trượng, gươm dài 7 thước, một cái nón sắt, trẻ này cỡi ngựa, đội nón đánh giặc. giặc sẽ tan, nhà vua không phải lo gì.

Sứ giả phi về tâu vua. Nhà vua sai đúc ngựa, kiếm và nón sắt. Sứ giả đem cả đến. Bà mẹ thấy mà cả sợ, lo tai vạ đến nơi. Lo sợ hỏi con. Con cười lớn mà rằng:

“-Mẹ hay lo cơm cho nhiều, để con ăn, còn việc đánh giặc thì mẹ khỏi lo.” Rồi em bé lớn vọt, áo cơm hàng ngày bà mẹ cung cấp không đủ, hàng xóm phải nấu thêm, thế mà em bé vẫn không no bụng, vải lụa mặc chẳng kín thân, lại phải lấy thêm hoa cây lau mà nối vào.

Đến khi quân Ân kéo đến Trâu Sơn, em bé mới duỗi chân đứng lên, mình cao hơn mười trượng, nghển mũi hắt hơi mười cái, rồi tuốt gươm nói to:

- Ta là thiên tướng đây!

Rồi đội nón sắt nhảy lên ngựa, ngựa phi như bay, múa gươm xông đến trước giặc, quan quân theo sau dàn trận dưới núi Trâu Sơn. Quân Ân vỡ tan, bỏ chạy. Ân vương tử trận, còn dư đảng sụp lạy, xin hàng.

Sau khi dẹp giặc, Thiên tướng này đi về núi Sóc Sơn, cởi áo giáp, cỡi ngựa bay lên trời, chỉ để lại vết chân ngựa trên hòn đá dưới núi.

Hùng vương nhớ công lao, bèn tôn làm “Phù Đổng Thiên vương”. Đời nhà Ân 27 vua, trải qua 650 năm không dám đem binh sang xâm phạm.

Sau vua Lý Thái Tổ phong làm “Xung Thiên Thần vương”. lập miếu tại làng Phù Đổng, có thơ rằng:

Vệ Linh xuân thu bạch vân nhân,

Vạn tử thiên hồng diễm thế gian.

Thiết mã tại thiên, danh tại sử,

Uy linh lẫm lẫm mãn giang san.

Dịch: *Núi Vệ Linh cây xuân mây trắng che phủ.*

Vạn tử nghìn hồng đẹp thế gian.

Ngựa sắt ở trời, tên ở sử,

Uy linh lẫm liệt ngập giang san.

(Trích theo Lĩnh Nam Chích Quái - Vũ Quỳnh hiệu đính)

Gương Thánh Gióng truyền lại cho đời sau:

- Nhiệm vụ “*Bảo vệ đất nước, cứu nguy giống nòi*” là nhiệm vụ chung của toàn dân, không phân biệt: trẻ, già, trai, gái. “*Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh*”, hay “*Quốc gia hưng, vong thất phu hữu trách*”.

- Phải việc thì làm, xong việc thì đi (không cậy công (vô công), chờ báo đáp để thụ hưởng).

- Ra sức hành động để hoàn thành nhiệm vụ, chứ không cần “*khua chiêng gõ trống*” (vô ngôn).

2/ Thánh Chử Đồng Tử :

Đời Hùng vương có người con gái tên là Tiên Dung My nương, tuổi vừa 18, dung mạo tú lệ, tính thích ngao du sơn thủy. Mỗi năm khoảng tháng hai, tháng ba, nàng sửa soạn thuyền lênh-đênh sông biển.

Lúc bấy giờ, làng Chử Xá có người tên là Chử Vi Vân, sinh được một trai tên là Chử Đồng Tử. Hai cha con vốn tính hiền lành, cửa nhà gặp tai biến nên khánh tận, chỉ còn một cái khố vải che thân. Cha con ra vào thay đổi mà mặc. Bị bệnh già, người cha bảo con rằng: “Ta chết thì chôn lỗ cũng được, để khố lại mà dùng. Cha chết, người con không nỡ chôn lỗ, nên cứ để cả khố mà chôn. Chử Đồng Tử ngày ngày đứng dưới sông câu cá, mà trao đổi lấy thực phẩm. Một hôm gặp thuyền của Tiên Dung, nghe thấy chiêng trống đàn sáo, nghi trượng cờ xí rợp trời, Đồng Tử bèn ẩn vào bãi cát có chòm lau sậy. Được một lát, thuyền của Tiên Dung qua đấy đậu lại, nàng dạo chơi trên bãi cát, thuyền lấy mừng màn vây quanh khóm lau sậy để tắm. Dội nước, cát trôi trở ra thân thể của Đồng Tử. Tiên Dung cho rằng duyên trời xui nên, bèn truyền Đồng Tử đứng dậy tắm rửa rồi cho mặc quần áo cùng xuống thuyền và kết nghĩa vợ chồng. Đồng Tử cố từ không dám. Tiên Dung nói: “Tự Trời tác hợp sao lại từ chối? Những người theo hầu đem việc tâu vua. Vua Hùng nổi giận nói: “Tiên Dung không biết trọng lễ nghĩa, còn mặt mũi nào thấy được ta nữa.

Tiên Dung được tin, sợ hãi không dám trở về. cùng Đồng Tử mở chợ búa, lập phố phường cùng với nhân dân buôn bán, dần dần thành chợ lớn, nay là chợ Hà Loa.

Một hôm có một nhà buôn lớn đến mách với Tiên Dung: “ Nếu quý nhân bỏ ra một đật vàng cùng với lái buôn ra ngoài biển mua bán vật quý tất sẽ được lời nhiều.” Tiên Dung bèn bảo Đồng Tử làm theo.

Đồng Tử cùng với các lái buôn đi theo ra biển. Ở ngoài khơi có ngọn núi danh tiếng là Quỳnh viên sơn, trên núi có am nhỏ. Thuyền buôn ghé đậu để lấy nước ngọt. Đồng Tử lên chơi trên am, gặp một vị tiên cùng đàn đạo. Đồng Tử thích thú quên cả thời giờ. Trước khi từ biệt, vị tiên tặng cho Đồng Tử một cái gậy và một cái nón, bảo rằng: “Linh thông ở cái gậy này.”

Đồng Tử trở về, lễ lại cho Tiên Dung nghe, bèn thôi nghề buôn bán. rủ nhau chu du đặc đạo.

Một hôm, trời đã tối, mà không gặp nhà cửa để trú chân. Họ dừng lại giữa đường, cắm cây gậy, úp nón lên trên, Đồng Tử miệng đọc thần chú, bỗng thành quách. lâu đài, thị vệ la liệt hiện ra trước mặt. Sáng ngày, ai trông thấy cũng lấy làm kinh dị, tranh nhau đem những vật hương hoa ngọc thực đến dâng hiến và xưng thần. Văn võ bá quan phân quân túc vệ biệt lập thành một nước.

Hùng vương hay tin cho là con gái mình làm loạn, phát binh đi đánh. Khi quan quân đến, Tiên Dung cười rằng: - Chuyện này không phải ta làm ra, sống chết ta đâu dám chống cự cha.

Quan quân kéo đến đóng ở bãi Tự Nhiên, còn cách con sông lớn, trời lại sắp tối nên dừng binh. Chừng nửa đêm, hốt nhiên thành quách của Tiên Dung nhất thời bay lên trời, đất chỗ ấy sập xuống thành một cái đầm lớn, nên gọi là Đầm Nhất Dạ.

Qua sự tích trên, ta thấy: Ảnh hưởng nghề nông, nghề chân lấm tay bùn, gần gũi thiên-nhiên, nên nông dân Việt giàu tình cảm, bình-dị và phóng-khoáng.

Còn bức tranh nào hòa đồng giữa con người với thiên-nhiên hơn:

“*Gió vào ve-vuốt má dào*”

Má đào quyện gió, lối nào gió ra?”

(Ca Dao)

Thiên nhiên mang tình người, lòng người trải rộng vào thiên-nhiên

Vì sương cho núi bạc đầu,

Vì chưng gió thổi cho râu-rì hoa!

(Ca Dao)

Thiên nhiên, cây cỏ cũng lây nét lãng-mạn, tình tứ của con người:

Vì mây cho núi lên trời,

Vì cơn gió thoảng, hoa cười với trăng.

(Ca Dao)

hay

Non xanh bao tuổi non già?

Vì chưng sương tuyết hóa ra bạc đầu!

(Ca Dao)

Đến vật vô tri cũng được nét nhân sinh:

Khăn thương nhớ ai, khăn rơi xuống đất?

Khăn thương nhớ ai, khăn vắt trên vai?

Khăn thương nhớ ai, khăn chùi nước mắt?

Khăn thương nhớ ai mà đèn không tắt?

Khăn thương nhớ ai, mắt ngủ không yên?

(Ca Dao)

Sự hòa-hài giữa con người với thiên nhiên được thể hiện cụ-thể trong những ngày “Tết”, hội xuân.

Các trò vui xuân như “đánh gòn”, “bắt chạch trong chum”,... đủ chứng-tỏ văn hóa Việt khác với văn hóa Trung Hoa. Ở Trung Hoa cho đến ngày nay, vì cốt lõi tinh-thần gốc du-mục, nên “trọng nam khinh nữ”. Xưa kia, Khổng Tử đã cho rằng: “Phụ nữ khó cảm hóa, thân cận thì nhờn, mà xa lạ thì oán”. (Tử viết: “Duy nữ tử dữ tiểu nhân vi nan dưỡng dã. Cận chi tắc bất tổn, viễn chi tắc oán” (Luận Ngữ – Dương Hóa)

Đối với Hán Nho không nhìn phụ nữ trên con người toàn diện, mà chỉ chú vào sắc tính với vai-trò nội trợ và sinh đẻ! Chính ở điểm này mà ta thấy mặc dầu tán-tụng Khổng Tử là “bậc thầy muôn thuở” (Vạn Thế Sư Biểu) mà không một lời nói đến Khổng phu nhân!

Để nói lên tính cách phóng khoáng giữa trai gái của giới bình dân, ta có thể tìm thấy trong các bài ca-dao:

Trên trời có đám mây xanh,

Ở giữa mây trắng, chung quanh mây vàng.

Ước gì anh lấy được nàng,

Thời anh mua gạch Bát Tràng về xây.

Xây dọc, rồi lại xây ngang,

Xây hồ bán nguyệt cho nàng rửa chân.

Và mạn nhạ n hơn:

Hôm qua tát nước đầu đình

Bỏ quên cái áo trên cành hoa sen.

Em được thì cho anh xin,

Hay là em để làm tin trong nhà

Áo anh sứt chỉ đường tà,

Vợ anh chửa có, mẹ già chửa khâu.

Áo anh sứt chỉ đã lâu,

*Mai mượn cô ấy vào khâu cho cùng,
Khâu rồi anh sẽ trả công,
Đến khi lấy chồng, anh lại giúp cho:
Giúp cho một thúng xôi vò,
Một con lợn béo, một vò rượu tăm,
Giúp em đôi chiếu em nằm,
Đôi chăn em đắp, đôi trằm em đeo,
Giúp em quan tám tiền cheo,
Quan năm tiền cưới lại đèo buồng cau.*

(Ca Dao)

Trai đã không e-ngại mượn cơ “*quên áo*” để ướm tình, thì gái cũng mạnh-dạn:

*Vào vườn hái quả cau xanh,
Bổ ra làm tám, mời anh xơi trâu.
Trâu này tằm những vôi Tàu,
Ở giữa đềm quế, hai đầu thơm cay.
Mời anh xơi miếng trâu này.
Dù mặn, dù nhạt, dù cay, dù nồng.
Dù chẳng nên đạo vợ chồng
Xơi dăm ba miếng kéo lòng nhớ thương.*

(Ca Dao)

3/ Thánh Tản Viên:

Một hôm đi ra rừng, Bà Man Thị thấy một trẻ sơ sinh nằm trên lá, được chim sẻ và hồ cho bú. Bà mang về nuôi, đặt tên là Kỳ Mệnh. Lớn lên, mẹ nuôi già yếu liền ra rừng hàng ngày hái củi về bán lấy tiền nuôi mẹ cho tròn hiếu nghĩa. Một hôm ra rừng đốn củi, thấy một cây gỗ to, cành lá rườm rà, ước được nhiều củi liền quyết định hạ. Lấy rìu đốn gốc, suốt cả ngày, cây gần đứt thì trời tối. Kỳ Mệnh bỏ về nhà, định hôm sau ra chặt nốt. Hôm sau ra thấy cây liền gốc như cũ, Kỳ Mệnh lại chặt lần nữa; ngày tàn mà cây chưa đứt hẳn. Lại bỏ về như hôm trước. Song ngày hôm sau ra vẫn thấy cây liền gốc như cũ. Rất lấy làm lạ mà trời lại tối quá, bèn tìm đến hốc đá gần cây nằm nghỉ đợi sáng ra tiếp tục công việc dở dang. Nửa đêm thấy một bà già, tóc bạc phơ, y phục như sương tuyết, cầm một cây gậy chỉ vào chỗ cây đã chặt. Bà đi quanh gốc cây, chỉ đến đâu cây lành đến đó, Kỳ Mệnh bèn chạy ra níu lấy vạt áo bắt đền.: “Tôi nhà nghèo phải đốn củi bán nuôi mẹ, đã mấy ngày chặt cây không xong vì Bà đã ngăn trở tôi, mẹ con tôi sẽ đói, xin đền trả công.” – “Cây này là nơi ta trú ngụ. Ban ngày ta đi chơi, tối về thấy bị phá. Ta biết đâu là con muốn chặt. Con là người hiếu nghĩa lại kiên tâm trì chí, và thông minh. Ta cho con cây gậy này, con có thể dùng vào nhiều việc để cứu đời vừa nuôi mẹ, nuôi thân được.” Gậy cũng có đầu đen là đầu tử, điểm tới có thể làm cho kẻ ác đau khổ hay tiêu tán. Ta cho con là Nguyễn Gậy có đầu đỏ là đầu sinh; chỉ đầu sinh vào vật nào mới chết, và bệnh tật, có thể làm vật đó sống lại hay khỏi - Thông, con khá dùng cây gậy này cho có ích.

Khẩu đầu làm lễ tạ ơn. Nhận gậy rồi, Nguyễn Thông về. Giữa đường thấy một con rắn nước trắng mà kẻ chặn trâu mới đánh chết. Nguyễn Thông bèn lấy gậy ra dùng để thử nghiệm. Đem đầu gậy đỏ đặt lên đầu rắn, rồi rà đến tận đuôi, con rắn lành vết thương ngay, thở được mà sống lại. Ngóc đầu nhìn người cứu nạn, rồi vội trườn mình xuống suối bơi đi mất dạng. Nguyễn Thông mừng thấy gậy có linh nghiệm. Ra về, và từ ngày đó dùng gậy để chữa bệnh cho dân làng, để săn thú rừng, phá ruộng rẫy, nhờ đó mà mẹ con sống ung dung đầy đủ.

Rồi một sớm kia, có đoàn người rất đông đi vào phía lều mẹ con Nguyễn Thông đang ở. Người đi đầu là một chàng trai quần áo trắng lóa như bạc dát. Mũi cắm ngọc, da ngăm ngăm màu nước, môi thắm sắc san hô và mắt long lanh tia sáng nhanh như lửa chớp. Chàng ta bảo tùy từng đứng xếp một hàng ngoài ngõ, tiến vào trước mặt Nguyễn Thông tự giới thiệu: “Tôi là con trai út Long vương, đi chơi quá bước lên trên cạn, chẳng may gặp nạn đến chết, may nhờ anh ra tay

cứu mạng. Trình với vua cha, người cho tôi mang chút ít lễ vật tới tạ ơn anh cùng kính biểu mẹ già. Người lại có ý mời anh xuống thăm thủy phủ để người được gặp mặt để biết bậc anh tài.”

Nói rồi hoàng tử Long phủ ra lệnh cho bọn người dẫn lễ vật vào, mở nắp quả ra bày lên chõng tre. Từ những quả đó thoảng bay mùi long duyên hương với các vị thuốc quý, trân châu, san hô, sáng lóa cả nhà. Vị hoàng tử giới thiệu từng món . Với các công dụng và giá trị diệu kỳ. Kỳ Mệnh từ chối cho rằng công không xứng với của. Song hoàng tử ngắt lời: “Không phải thế! Đây mới chỉ là một phần nhỏ để đền ơn trong muôn một vì anh đã cứu nhiều người trần thế mà không bao giờ nghĩ đến công lao. Những vật này có thể trước là giúp mẹ già có được đủ thứ cần thiết khi anh đi thăm thủy phủ mà vắng nhà. Sau là giúp anh có đủ phương tiện cứu đời. Đức Long vương còn muốn tặng anh nhiều thứ quý nữa. Nhưng anh nên nhớ trước mặt người, anh chỉ nên xin quyển sách không có chữ nào. Anh mới là người xứng đáng dùng quyển sách đó. – Nay anh xin phép mẹ già và gấp thu xếp việc nhà, ta vội vã đi kéo muện. Nguyễn Thông đành cúi nhận cả phẩm vật lẫn lời mời. Xếp vội việc nhà, xin phép mẹ và xách gậy ra đi theo hoàng tử Long cung. Gió cuốn mây bay đưa đoàn người đi nhanh. Tới biển Đông, hoàng tử dang tay rạch nước ra làm đôi. Tạo nên một con đường đi xuống phủ Long vương. Được một quãng đã thấy cá voi, cá mập chờ sẵn, mỗi người ngồi trên lưng mà đi sau những loại cá màu sắc lộng lẫy tỏa ánh sáng ngời, mỗi bước đi là gặp một điều mới mẻ lạ lùng thích thú đến say mê, Nguyễn Thông không hết lời khen ngợi.

Đến Long phủ, Nguyễn Thông đã thấy đức Long vương đứng chờ sẵn nơi thêm ngọc, áo mào huy hoàng. Theo lời giới thiệu của hoàng tử tiểu vương, Nguyễn Thông làm lễ triều kiến. Sau đó đức Long vương ban yến và rất hài lòng về diện mạo và đức độ của Nguyễn Thông.

Long vương cho phép chàng tự do đi du ngoạn khắp nơi thủy cung và muốn lấy gì cứ việc tự tiện. . . Nhận Nguyễn Thông là con, và đặt tên là Nguyễn Tuấn. . . . Tuy vui, nhưng ở lâu nơi thủy cung Nguyễn Tuấn nhớ mẹ. Nhớ dương gian nên xin phép trở về. Long vương bằng lòng và thấy Nguyễn Tuấn trở về tay không liền hỏi: “Thủy phủ của ta không có gì đáng cho người vừa ý mà lấy vì sao?”

Thấy vẻ mặt Long vương nghiêm nghị và lời nói có vẻ trách móc. Nguyễn Tuấn quì thưa: Con thấy cái gì nơi thủy phủ cũng rất đẹp, rất quý. Song sức không sao lấy mang đi hết được, nên con chỉ ước sao được quyển sách lụa bạch đặt nơi bàn thờ ở hậu cung, nhưng sợ không dám lấy, mà cũng không dám xin, e làm phật ý vương phụ. Sau một hồi suy nghĩ, Long vương mỉm cười: Đó là quyển sách ước vốn không có chữ, song ai lòng trong dạ sạch trí sáng mà dốc sức nguyện cầu thì muốn gì được nấy. Sách không có đầu có đuôi, nhưng gồm 5 (năm) trang (kim, mộc, thủy, hỏa, thổ). Con thông minh đức độ, đủ sức gìn giữ và xứng đáng được dùng sách ấy. Ta bằng lòng cho con, nhưng ta phải giữ lại tờ hành “thủy” cho con út của ta, mà cũng là em là bạn của con. Nguyễn Thông! Con khá dùng quyển sách bày hương án làm lễ rồi tự tay Long vương cầm ban cho Nguyễn Tuấn. Tay cầm gậy, tay cầm sách, Nguyễn Tuấn cảm tạ Long vương, theo chân hoàng tử Long hầu đưa tiễn. Cả hai leo lên lưng cá voi ngồi mà trở về trần thế.

Một hôm để thử xem quyển sách linh ứng ra sao, Nguyễn Tuấn tìm gọi trai giới rồi để sách trước mặt, đặt tay lên mà dốc lòng khẩn cầu : - Ước gì có một cánh rừng ngay gần nhà. Vừa ước nguyện vừa lần trang sách và đến một trang thì không đỡ thêm nữa, tiếp theo đó đất rung, núi chuyển và một cánh rừng rậm rạp phủ quanh nhà. – Vừa sợ hãi vừa mừng vui, Nguyễn Tuấn định đi xem xét thì thấy khu rừng bít cả lối đi, bèn trở vào ngồi lĩnh trí đặt tay lên sách mà ước: - Ước gì có lửa đốt hết cây trên đường đi ra sông để lấy nước, tay giở sách đến một trang ắt là trang thuộc hỏa, tức thì lại không đỡ được nữa, mà lửa bùng bùng nổi lên đốt cháy cây cỏ để lộ đường đi rộng lớn đến bờ sông. – Từ đó biết dùng sách ước, gây thần, Nguyễn Tuấn ngày ngày đi hành đạo cứu dân độ thế.

Qua huyền thoại này,ta thấy rằng:

* Nhân vật chính thay đổi tên theo thể sống: Lúc đầu không biết từ đâu đến , vô danh, sống giữa thiên nhiên, hòa với thiên nhiên đến nỗi chim vui cây che chở, thú rừng nuôi nấng. Khi vào xã hội người mới định phận và hữu danh, mà danh lại thay đổi mấy lần theo thể sống. Song danh đã biểu tượng rõ bản chất NGƯỜI khác người thường: Một đời sống lạ: Kỳ Mệnh, một người trí hiểu biết đến thông được với thần; Nguyễn Thông, một người tài xuất chúng, ngang thần thánh; Nguyễn Tuấn dù với danh nào Nguyễn Tuấn vẫn đứng trên căn bản NGƯỜI mà hành xử giữa thế nhân với thế nhân (nhân bản, nhân chủ) gặp tiên với bao vật lạ, vẫn giữ thế NGƯỜI mà bất đền công không sợ. Gặp thánh

(Long vương) với bao nhiêu giàu sang vẫn giữ thế sống của con NGƯỜI , không quá mê tham mà vong bản thế trần. Gậy thần, sách ước trong tay sử dụng mà không lạm dụng, làm chủ nơi mình mà nên vô kỷ. Giúp đỡ mà không kể ơn ấy là vô công, đi hay về nhẹ nhàng không lưu luyến, không gấp vội như một bóng vô danh.

Tiên tự hiện hữu ở lần thiên nhiên. Tiên vốn có phép mầu nhiệm, cây đã đẵn mà còn làm cho lành, lấy trí mà thử thách, lấy tình mà điều khiển. Biết rõ người tài đức thì trao cho gậy thần, chỉ bảo cách dùng êm đềm mà người gan dạ cũng tuân theo. Phép mầu của Tiên đã cho cả Rồng sống lại. Thế ra Rồng tùy thuộc vào Tiên vậy.

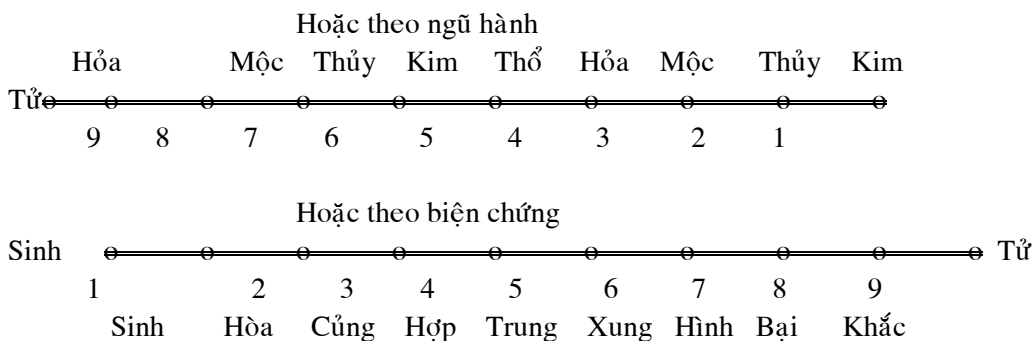
Long vương vốn tự hiện hữu, vốn hữu vi mà vô vi, mỗi việc mỗi suy xét đấng đo. Song suy xét đấng đo và làm tự nhiên như nhiên, của cải giàu có là do thu vén xếp đặt mà có cung điện, có kẻ phục tùng, tuy thế chính bản thân còn phải quý trọng. Sách ước mà chỉ trao cho NGƯỜI có đủ bản lĩnh xử dụng. Người đã biến chết ra sống được. Song khi trao sách lưu trang “thủy” tại sao?

* Về Tư Tưởng: Cả câu truyện xây dựng trên tư tưởng âm dương học căn bản của Kinh Dịch. Âm dương là bản thể của vũ trụ. Thời vị là điều kiện thiết yếu cho âm dương vận động; luật tương sinh, tương khắc với ngũ hành , tương quan, tương đối là điều kiện đầy đủ để âm dương sinh thành vạn vật. Âm dương vốn là hai khí, nói theo ngôn từ bây giờ là hai nguyên động lực tương quan, tương đối, tương thối, tương phản , tương sinh, tương khắc mà cũng bị tương hòa, tương hợp. Khi nào âm dương tương đối, cân bằng thì hòa hợp mà yên bình. Khi nói âm dương tương thối, tương khắc mà chênh lệch thì ly loạn. Khi mà trong dương cũng có âm và ngược lại trong âm cũng có dương. Dương lẫn âm thì bày rõ ra, âm lẫn dương thì chìm lẫn đi vào sâu kín.

Chi Tiết: Câu chuyện tỏ rõ những điều vươn lên cao, bày tỏ rõ ra, thuộc tượng dương là nơi bà Tiên thuộc tượng âm trú ngụ. Ấy là dương hàm âm. Bà Tiên ngày đi xa vắng, đêm mới hiển hiện . Đêm thuộc thái âm, hàm tráng âm, lực âm đang thời hoạt động mạnh. Bà Tiên thuộc âm có gậy thần thuộc thiếu dương, cái mầm của hoạt động tương lai. Gậy thần theo truyện có hai đầu, đầu sinh thuộc dương và đầu tử thuộc âm. Cũng theo truyền thuyết, gậy thần gồm chín đốt. Người điều khiển gậy thần nắm đốt giữa, để có sự cân bằng tương đối. Như thế mới làm chủ được luật tương sinh, tương khắc, tức là sự hiệu nghiệm, của sức mạnh, của hành sự ngụ trong gậy đó. – Như thế gậy thần khi ở thế tĩnh là một thể nhất quán thuộc thiếu dương. Khi ở thế động thì gồm hai phần: tráng âm tráng dương, tương đối cân bằng sẵn sàng đi vào hành động. Khi tác động thì sức lực của cả chín (9) đốt dồn vào có một (1) đốt để hoặc tương thối, tương hợp hay tương phản mà chế hóa lẫn nhau theo như ý của người cầm gậy.

PHỤ THÊM ĐỂ CHẤT CHÍNH

Vấn bản khoản giữa hai điều của bản chất Gậy Thần và cách xếp của 9 đốt :
(học ít biết nông xin chỉ dẫn)



Như thế thì Gậy Thần là

- Linh tượng của hành động hay là lý thuyết của hành động, vừa phá hoại vừa xây dựng. Biểu tượng sức mạnh của “vũ”, “Giết một người cứu muôn người”.
- Linh vật của Tiên cấp cho người dùng. Vậy từ Tiên mà ra, do Tiên mà có; Tráng âm hoàn Thiếu dương.

- Biểu thể của hèm RỒNG (hay ý niệm “Nguyệt Quật” trong văn hóa Đông Phương).

Nước thấm sâu xuống, thấu gồm lại mềm tối thuộc tượng âm là nơi Long vương thuộc tượng Dương ở. Ấy là âm hàm dương. Vậy Tiểu Long đón Nguyễn Thông đi ban ngày, ngày thuộc thái dương, Long vương thuộc tráng dương đang thời hành động mạnh. Long vương có sách ước, định dành cho Long tử. Như thế sách ước là của Long tử thuộc thiếu dương mà âm thái âm (sách ước) thì không được nên sách ước mới về tay khác. Sách ước ở thể tĩnh thu nhỏ lại là thiếu âm, để trong hậu cung tám tối của cung điện Long vương thuộc tráng âm, giữa biển nước thuộc thái âm: đồng tính nên hòa nhưng bất động. Tiểu Long xui Nguyễn Thông xin, Long vương tặng Nguyễn Thông sách, Nguyễn Thông mang về dương thế để cho linh động trong hành xử. Thế là thiếu âm tác động vào thái âm để thái âm chuyển sang dương, “Cực âm biến vi dương vậy”.

Sách ước có 5 tờ không chữ, không đầu, không cuối. Mỗi tờ tượng trưng cho một hành, gồm nên năm (5) hành lại là bản chất của vạn vật và của trời đất. Vậy sách ước là tượng trưng cho bản thể của trời đất (hay âm dương hoặc vũ trụ) ấy là nguyên động lực sinh ra ngũ hành. Gồm cả 5 hành làm một, hành nào cũng có giá trị như nhau. Người sử dụng sách ước phải có ý nguyện vững chắc mới điều hành sách ước ứng theo ý. Như thế người phải làm chủ được mình “nhân chủ” mới thấy được nhân sinh hòa với vũ trụ làm một, như thế thì sách ước:

- Linh tượng của lý thuyết, lý thuyết thuần lý, động thì biến hóa, sinh thành vạn vật, gồm cả 2 lực âm dương, cả 5 chất liệu ngũ hành – Biểu tượng sức linh động thông hoạt của “văn”.

- Linh vật của RỒNG cho người. Vậy từ RỒNG mà có: Trong dương có âm – Biến thể của Tiên (hay là ý niệm thiên căn) – Nguyễn Thông vốn là con người không biết từ đâu mà có, chỉ biết “hiện hữu” ngay giữa thiên nhiên, do thiên nhiên “sinh và thành” – Người có đức và do đó Thông được thần tiên và rồng đều cảm thông, hiểu biết tin cậy, mà trao cho gậy thần, sách ước.

- Người sử dụng cả lý thuyết của sách và hành động của gậy. Tự nâng mình lên ngang hàng với Trời Đất. Cho nên người Nguyễn Tuấn được mọi người tôn làm Thánh, thần, vương, Thánh Tản Viên.

- Chỉ tiếc rằng Long vương còn giữ tờ “thủy” lại cho Tiểu Long, nên Nguyễn Tuấn không có “nước” mà cai trị. Trong khi chờ đợi “nước” đi ra bể lại mưa về nguồn. Ông đành làm Thánh vậy.

(Lời chú thích của Mẫn Cầu)

B/ Các tiên hiền trong lịch sử Việt:

- **Thục Phán (An Dương vương)**, thống nhất hai dòng Âu Việt và Lạc Việt, lập nên nước Âu Lạc, xây thành Cổ Loa ở huyện Đông Anh, tỉnh Phúc Yên, sáng tạo nỏ thần (liên nỏ). Thời đại Âu Lạc đã bước sang thời kỳ biết dùng sắt (di tích khảo cổ ở Đường Mây, Chiến Vây, Đình Chàng. Đặc điểm đồ đồng trong nhóm Đường Cổ là các loại công cụ như lao, giáo, rìu, mũi tên, v.v. Thời đại An Dương vương tuy ngắn ngủi, nhưng đã đánh dấu bước chuyển mình lớn trong lịch sử Việt. Từ tinh thần thái hòa của một quốc gia thuần túy nông nghiệp chuyển sang ý thức dân tộc thống nhất chống ngoại xâm.

- Thời nhà Triệu, quan thái phó **Lữ Gia** đã chém đầu sứ giả An Thiếu Quý và mẹ con Cù Thị định dâng nước Việt cho Hán Vũ đế :

*Lữ Gia cầm ngang kiếm thép,
Ngăn đường Bắc thuộc
Cù Thị, Ai vương khóc thét
Hồn siêu lạc nẻo u mê.
Mắt Mẹ chưa kịp nét cười vui
Quân Hán đã tràn đầy cửa ngõ
Lần đầu mặc áo nô vong!...*

- Thời Đông Hán, **hai bà Trưng** (Trưng Chắc và Trưng Nhị) quê ở Châu Phong nổi lên đánh đuổi thái thú Tô Định đem lại nền độc lập cho nước nhà. Hai Bà làm vua chỉ được 3 năm. Năm Tân Sửu (41 T.L.) Hán

Quang Vũ sai Mã Viện, một lão tướng đem quân sang đánh Trưng Vương. Hai Bà thua, Mã Viện thiết lập một chế độ thật chặt chẽ hầu đồng hóa dân Việt. Dã tâm của Mã Viện thể hiện qua sáu chữ “**Đông Tru Chiết, Giao Chỉ diệt**” (*Cột đồng gãy, dân Giao Chỉ diệt vong*). Henri Maspéro nghiên cứu về thời kỳ Giao Chỉ lệ thuộc nhà Đông Hán đã kết luận: “*Mã Viện là người đầu tiên dùng bạo lực cưỡng giao văn hóa Lạc Việt, tức là văn hóa du mục Trung quốc áp đặt vào nếp sống của xã hội Việt*”.

- Nhà Đông Hán mất ngôi, nước Tàu chia làm 3: Bắc Ngụy, Tây Thục và Đông Ngô. Trong thời lệ thuộc Đông Ngô, quan lại nhà Ngô tàn ác, Bà Triệu (**Triệu Thị Chinh**) cùng với anh là Triệu Quốc Đạt khởi binh. Lời tuyên bố hào hùng của Bà triệu còn ghi lại trong sử sách: “*Tôi muốn cưỡi cơn gió mạnh, đạp đường sóng dữ, chém cá tròng kính ở biển Đông, quét sạch bờ cõi để cứu dân ra khỏi nơi đẫm máu, chứ không thèm bắt chức người đời cúi đầu cong lưng làm tỳ thiếp cho người ta.*”

Qua hai cuộc khởi nghĩa của Bà Trưng, bà Triệu, dù thành công hay thất bại đều nói lên tinh thần “*Giặc đến nhà, đàn bà cũng đánh*”, hay nói cách khác, nam nữ đều bình đẳng trách nhiệm đối với tổ quốc và dân tộc. Do đó, ta mới thấy những nét son trong văn học Việt “*Nam nữ bình quyền*”, “*hôn nhân phóng khoáng*” khác với văn hóa Trung Hoa “*trọng nam khinh nữ*”.

- o Năm 938, **Ngô Quyền** vương chiến thắng về thủy chiến trên sông Bạch Đằng lần đầu tiên để di đến **Đinh Tiên Hoàng** khơi dựng nền độc lập nước Đại Cồ Việt.
- o Năm 1076, **Lý Thường Kiệt** và **Tôn Đản** đem 10 vạn quân chia làm hai đạo thủy bộ cùng đến đánh hai châu Liêm, Ung, phạt Tống lấy công làm thủ.
- o Đời nhà Trần các danh tướng và các danh nhân như: Trần Thái Tôn, Trần Thành Tôn, Trần Nhân Tôn, Trần Minh Tôn, Trần Anh Tôn, Trần Quang Khải, Trần Hưng Đạo, Chu An, Nguyễn Trung Ngạn, Phạm Sư Mạnh, Trần Nguyên Đán, Nguyễn Phi Khanh. Lê Cảnh Tuân, Mạc Đĩnh Chi, Trương Hán Siêu, Lý Tế Xuyên, Đặng Dung, Mạc Đĩnh Chi, v..v
- o Đời hậu Lê các vị danh nhân: Nguyễn Trãi, Trình Thanh, Lê Thánh Tôn, Lương như Học, Hoàng Đức Lương, Nguyễn Trực, Vũ Quỳnh, Nguyễn Dữ,..., Lê văn Hưu, Ngô Sĩ Liên, Lê Hữu Trác (Lãn Ông), Ngô Thì Sĩ, Hoàng Sĩ Khải.
- o Đời nhà Mạc, có: Nguyễn Bỉnh Khiêm, Đặng minh Khiêm, Phan Phú Tiên,
- o Thời Nam – Bắc phân tranh: Phùng Khắc Khoan, Nguyễn Công hãn, Đặng Trần Côn, Bùi Huy Bích, Nguyễn Dữ, Nguyễn Cư Trinh, Đào Duy Từ, Phạm Công Trứ, Nguyễn Quý Đức, Đoàn Thị Điểm, Đặng Trần Côn, Lê Quý Đôn, Nguyễn Gia Thiều, Đặng Đức Siêu, Nguyễn văn Thành, Lê Quang Định, v.v
- o Thời Nguyễn: Phạm Đình Hổ, Nguyễn Công Trứ, Phạm Huy Chú, Cao Bá Quát, Nguyễn văn Siêu, Nguyễn Đình Chiểu, Nguyễn Trường Tộ, Đinh Điền, Tôn Thọ Tường, Phan văn Trị,
- o

Xuân Thu Hoa

Chí Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng ngày trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế

Đại việt chi Ký
Xuân thu chi hương

Đinh Tiên Hoàng khi cờ lau Vạn Thắng
Trần Hưng Đạo khi Vạn Kiếp chi cơ

Lê văn Hưu khi chép pho sử thặng
Hàn Nguyễn Thuyên khi đọc tế ngư từ

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hoa

Lê Thái Tổ khi Bình Ngô Đại Cáo
Còn non sông anh khí vẫn bành-bàng
Lê Hồng Đức khi vườn Quỳnh chính giáo
Còn non sông nắng hóa vẫn chang-chang

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi quang

Nguyễn Quang Trung khi bình Thanh thế chúng
Nguyễn văn Thành khi chén rượu điều tang
Phan Sào Nam khi chép pho vong quốc
Còn là hồn Đại Việt sống vô cương

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi dương

Chi Hồng Bàng chín vạn mở Kinh Dương
Bọc trứng trăm con chia núi bể
Giống Tiên Rồng văn hóa cực Viêm phương
Nước Đại Việt xuân thu hùng vạn thế.

Đại Việt chi ký
Xuân thu chi hương.

(Thái Dịch)

KẾT LUẬN :

- Xét vì nền văn-minh cổ đại Hòa Bình đã chứng-tỏ nguồn-gốc dân tộc Việt không phải gốc từ Trung hoa, hay từ nguồn gốc Phi hay Âu, mà do người bản địa (*HoaBinh-man*) sau pha trộn với các chủng: Cổ Mã-Lai (Mélanésien), Nam Mongoloid, Nam Đảo (Indonésien), mà thành người Việt ngày nay.

- Xét về địa danh, Hoà Bình là cái nôi cổ của nền văn-minh “trồng lúa nước” ở Đông Nam Á.

- Xét vì hơn bốn ngàn năm lịch-sử nước nhà là bảy ngàn năm sắt máu đấu-tranh để “bảo quốc,tồn chủng”.

- Xét vì truyền-thống “hiếu hòa”, “nhân bản” và “dân bản” của dân tộc đã tạo nên nếp sống “hòa cả làng”, “Thương người như thể thương thân” và “ Thế vận nước, nên hòa hay nên chiến”- “Quyết chiến, quyết chiến”...

- Xét vì tư-tưởng “bĩ cực thái lai”, “bốn mùa luân chuyển, hết Đông sang Xuân”, của văn minh nông nghiệp.

* Thừa-hưởng tinh-thần cao đẹp, tượng-trưng qua lý-tắc Tiên + Rồng (*Âm Dương hổ-tương - Đối nghịch tương sinh*) khi hưng, khi vong, khi ẩn-phục, khi triển-khai. Căn-cứ vào lý-tắc ấy, ta đoán định thời-đại trước mắt ta, chính là buổi rạng đông của văn-minh cao-khiết mới, một sứ-mệnh vĩ-đại mới, và một sự-nghiệp hùng-tráng khai quang của dân-tộc Việt.

* Người ta đã ca-ngợi về sự độc-lập của Hoa-Kỳ, và Ba-Lan. Nhưng xét cho kỹ, nội chất độc-lập của Hoa-Kỳ chỉ là mặt trái sự chia-rẽ của nòi giống Anglo-Saxon; Tính-chất độc-lập của Ba-Lan chẳng phải do sức nội tại, mà là do sự xoay-vấn của thời-cuộc quốc-tế...

- Xét cho cùng, không gì thuần-túy bằng tinh-thần độc-lập của nòi giống Việt, trải từ khi còn là một tốp người, tiến lên thành một dân-tộc, hai ba triệu rồi bốn - năm - bảy triệu, cho đến nay hơn 80 triệu, từng chiến thắng mọi chia-rẽ nội-bộ để thống-nhất quốc-gia dưới thời Đinh; từng đánh bại mãnh lực xâm-lược vào thời Trần; và đã hùng-hồn tự-lực giành độc-lập dưới ngọn cờ cách-mạng dân-tộc của Lê Thái Tổ,...

Chúng ta đã rõ: “Quốc Gia” là một thực thể, mà tiếng Anh, hay Pháp gọi là “nation”; ở mặt vật lý là một lãnh thổ gồm địa phận, hải phận, tiềm phận và không phận; về mặt sinh-lý là một xã-hội kết-hợp nhiều sắc-tộc chung sống với nhau, ở mặt tâm lý là một ý chí cùng một chiều-hướng tồn tiến để rạng sáng lên thành một nền văn hóa đặc thù.

Quốc gia lâm nạn khi một hay cả ba mặt trên bị suy sụp, bị trấn-áp, kìm-hãm, khiến cho khiến đời sống tập thể không phát-triển

Dân tộc là một dòng sống kết tập từ lâu đời. Dân tộc có một đời sống tập thể riêng, một cộng đồng có nếp sống văn hóa đặc thù, và một lịch sử chuyển biến thịnh suy. Dân tộc lâm nguy khi tinh thần tập thể, tức ý chí tiến bộ chung bị suy yếu, tinh thần bảo toàn nếp sống văn hóa bị thui chột, và tinh thần tự hãnh ở nếp sống dân tộc không còn.

Do đó, con dân thời đại quyết kiến lập một sinh-mệnh độc-lập và vượt thắng cho chính mình . Đời sống của con người vốn là một cuộc hành-trình có dự định, có kế-hoạch, để đạt tới một hoàn-thành có ý-nghĩa và giá-trị cho nhân sinh.

Thiết lập “Văn Miếu Việt Nam” là để tôn sùng Danh Nhân Việt, chứ không phải để “Vọng bái ngoại nhân” , nhất là tư tưởng và phong cách của ngoại nhân chưa được sáng tỏ.

Văn Miếu Việt Nam phải là nơi tôn thờ các DANH NHÂN VIỆT, các ANH HÙNG DÂN TỘC VIỆT, những vị đã “Cứu Nước Tồn Chúng” đã làm rạng tỏ nền văn hóa Việt.

Trong tinh thần Việt, Vượt Thắng, tất cả con dân Việt chúng ta quyết tin tưởng vào tương lai sáng lạng của Dân Tộc.

Trân trọng kính chào.

TUYÊN CÁO

- Xét vì nền văn-minh cổ đại Hòa Bình đã chứng-tỏ nguồn-gốc dân tộc Việt không phải gốc từ Trung hoa, hay từ nguồn gốc Phi hay Âu, mà do người bản địa (Hoa-Bình-man) sau

pha trộn với các chủng: Cổ Mã-Lai (Mélanésien), Nam Mongoloid, Nam Đảo (Indonésien), mà thành người Việt ngày nay.

- Xét về địa danh, Hoà Bình là cái nôi cổ của nền văn-minh “trồng lúa nước” ở Đông Nam Á.

- Xét vì hơn bốn ngàn năm lịch-sử nước nhà là bảy ngàn năm sắt máu đấu-tranh để “bảo quốc,tồn chủng”.

- Xét vì truyền-thống “hiếu hòa”, “nhân bản” và “dân bản” của dân tộc đã tạo nên nếp sống “hòa cả làng”, “Thương người như thể thương thân” và “ Thế vận nước, nên hòa hay nên chiến”- “Quyết chiến, quyết chiến”...

- Xét vì tư-tưởng “bĩ cực thái lai”, “bốn mùa luân chuyển, hết Đông sang Xuân”, của văn minh nông nghiệp.

* Thừa-hưởng tinh-thần cao đẹp, tượng-trưng qua lý-tắc Tiên + Rồng (Âm Dương hổ-tướng - Đối nghịch tương sinh) khi hưng, khi vong, khi ảm-phục, khi triển-khai. Căn-cứ vào lý-tắc ấy, ta đoán định thời-đại trước mắt ta, chính là buổi rạng đông của văn-minh cao-khiết mới, một sứ-mệnh vĩ-đại mới, và một sự-nghiệp hùng-tráng khai quang của dân-tộc Việt.

* Người ta đã ca-ngợi về sự độc-lập của Hoa-Kỳ, và Ba-Lan. Nhưng xét cho kỹ, nội chất độc-lập của Hoa-Kỳ chỉ là mặt trái sự chia-rẽ của nòi giống Anglo-Saxon; Tính-chất độc-lập của Ba-Lan chẳng phải do sức nội tại, mà là do sự xoay-vấn của thời-cuộc quốc-tế...

* Người ta đã khen ngợi văn-minh cũng như sự to lớn của nước Tàu, nhưng mấy ai hiểu rõ nòi Hán đã vay mượn hay cướp đoạt văn hóa cũng như đất đai của các sắc dân mà nòi Hán đã cao-ngạo gọi là Đông Di, Tây Nhung, Bắc Địch, Nam Man. . . .

- Xét cho cùng, không gì thuận-túy bằng tinh-thần độc-lập của nòi giống Việt, trải từ khi còn là một tập người, tiến lên thành một dân-tộc, hai ba triệu rồi bốn - năm - bảy triệu, cho đến nay hơn 80 triệu, từng chiến thắng mọi chia-rẽ nội-bộ để thống-nhất quốc-gia dưới thời Đinh; từng đánh bại mãnh lực xâm-lược vào thời Trần; và đã hùng-hồn tự-lực giành độc-lập dưới ngọn cờ cách-mạng dân-tộc của Lê Thái Tổ,...

Tiếc rằng quốc-gia Việt từ khi do tập-đoàn Hồ Chí Minh lãnh-đạo, chúng đã đưa dẫn dân tộc đến bờ vực thẳm!

Trong lịch sử Việt:

- Chưa có một chính quyền nào lại đem con dân mình đi làm thuê, ở đợ nơi nước người!

- Chưa có thời kỳ nào như thời Xã Hội Chủ Nghĩa ngày nay đưa con cháu mình rao bán cho ngoại nhân tuyển lựa! Con em chưa đến tuổi trưởng thành đã phải bán mình để phụ giúp gia đình có miếng cơm manh áo!

- Chưa có một chính phủ nào lại cấm đoán lòng yêu nước của dân chúng khi đứng lên đấu tranh để bảo vệ lãnh thổ.

- Chưa có chính phủ nào lại hèn nhát như bọn cầm quyền cái gọi là Xã Hội Chủ Nghĩa Công Hòa Việt Nam lại im lặng trước sự xâm lăng của Trung cộng về mọi mặt quân sự, kinh tế, ngoại giao, văn hóa,...

Chúng ta đã rõ: “Quốc Gia” là một thực thể, mà tiếng Anh gọi là “nation”; ở mặt vật lý là một lãnh thổ gồm địa phận, hải phận, tiềm phận và không phận; về mặt sinh-lý là một xã- hội

kết-hợp nhiều sắc-tộc chung sống với nhau, ở mặt tâm lý là một ý chí và một chiều-hướng tồn tiến để rạng sáng lên thành một nền văn hóa đặc thù.

Quốc gia lâm nạn khi một hay cả ba mặt trên bị một thế-lực nội tại, hay ngoại nhập trấn-áp, kìm-hãm, xử-dụng cho quyền lợi của họ khiến đời sống tập thể không phát-triển dân sống trong cảnh lầm-than tủi-nhục. Ngày nay, dưới chế-độ Cộng Hòa Xã Hội chủ-nghĩa, cộng thêm những mưu-toan xâm-lược hay tiêu diệt Việt Nam của tân đế quốc Trung Cộng, và áp-lực kinh-tế thị-trường không những đã gây ra “Quốc gia nạn” đồng thời sinh ra “Dân Tộc nạn”!

Dân tộc nạn là sự rạn nứt lâu dài đi đến tan rã khối tập thể nhân dân, và nhất là sự xâm nhập những nét văn hóa ngoại lai và sự phá bỏ văn hóa dân tộc trong một tinh thần lợi danh vọng ngoại.

Dân tộc là một dòng sống kết tập từ lâu đời. Dân tộc có một đời sống tập thể riêng, một cộng đồng có nếp sống văn hóa đặc thù, và một lịch sử chuyển biến thịnh suy. Dân tộc lâm nguy khi tinh thần tập thể, tức ý chí tiến bộ chung bị suy yếu, tinh thần bảo toàn nếp sống văn hóa bị thui chột, và tinh thần tự hãnh ở nếp sống dân tộc không còn.

Dân tộc Việt lâm nguy ở cả hai mặt “Quốc Gia nạn” và “Dân Tộc nạn” tại quốc nội cũng như ở hải ngoại!

Lòng yêu nước và tình tự dân tộc đã bị “nhà nước” làm cho kiệt quệ! Kiệt quệ vì một mặt cấm đoán, một mặt nhà nước hưởng đi một cách đến thành vô nghĩa, điều ngoa như: “yêu nước là yêu xã hội chủ nghĩa”!!!

Lòng nghĩa khí đã chết hẳn, và chỉ còn lợi danh đê tiện, giảo quyệt. Càng trẻ càng điều ngoa, trâng tráo. Tập đoàn Cộng sản đã đào tạo cho lớp trẻ thay vì nuôi dưỡng “nghĩa khí hào hiệp” thì lý tưởng khao khát của thanh niên thời đại là làm sao được tuyển vào hàng ngũ tổ chức gọi bằng danh từ “đảng”, và khi được tuyển vào “đảng” chỉ biết bảo vệ quyền lợi “đảng” dù đi ngược lại quyền lợi dân tộc và đất nước.! Tinh thần dân tộc đã hoàn toàn bị phá hoại, những ngôn từ, những việc làm liên quan đến văn hóa, lịch sử dân tộc chỉ là những công tác hóa trang, tuyên truyền!

Trọng tội này tập đoàn Hồ Chí Minh phải chịu hình phạt nào cho đúng tội đồ của chúng?

Tình trạng bi đát trên nếu không sớm chấm dứt, dòng sống dân tộc sẽ tịch diệt!

- Ý thức rằng: “Sinh thế dị, trưởng thế nan” (Sinh ra ở đời là chuyện thường, nhưng làm nên cuộc đời có công-nghiệp mới là khó).

Do đó, con dân thời đại quyết kiến lập một sinh-mệnh độc-lập và vượt thắng cho chính mình. Đời sống của con người vốn là một cuộc hành-trình có dự định, có kế-hoạch, để đạt tới một hoàn-thành có ý-nghĩa và giá-trị cho nhân sinh.

“Sinh vi nam tử yếu hy kỳ
Khẳng hứa càn khôn tự chuyển di...”
(Phan Bội-Châu)

Đón Xuân Kỷ Sửu, 2009
Toàn thể con Dân Việt.

